

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30/12/2022

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Lệ Oanh.
2. Bà Trần Thị An.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 182/2022/TLST-HNGĐ ngày 31/10/2022 về việc “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Công C, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số M, khu vực M, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ B, khu phố B, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang;

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 10 năm 2022 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Huỳnh Công C trình bày: Ông và bà Phan Thị T chung sống như vợ chồng vào năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống lúc đầu hạnh phúc, sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không hợp, bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi vã, đến năm 2009 bà T dọn về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Hiện nay không thể hàn gắn để đoàn tụ về chung sống với nhau và nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với bà Phan Thị T.

Về con chung: Quá trình chung sống có 03 con chung tên Huỳnh Thị N, giới tính nữ, sinh ngày 06/02/1995 (đã trưởng thành), Huỳnh Thị Yến L, giới tính nữ, sinh ngày 26/8/2000 (đã trưởng thành), Huỳnh Phan Thiên T, giới tính nam, sinh ngày 05/5/2007. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Phan Thị T có đơn xin vắng mặt, tại bản tự khai ngày 31/10/2022, bà T trình bày: Ông bà chung sống như vợ chồng vào năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống lúc đầu hạnh phúc, sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không hợp, bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi vã, đến năm 2009 bà đã dọn về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay, ông bà không còn chung sống cùng nhau đã hơn 10 năm, nay ông Cường yêu cầu ly hôn bà đồng ý ly hôn với ông Huỳnh Công C.

Về con chung: Quá trình chung sống có 03 con chung tên Huỳnh Thị N, giới tính nữ, sinh ngày 06/02/1995 (đã trưởng thành), Huỳnh Thị Yến L, giới tính nữ, sinh ngày 26/8/2000 (đã trưởng thành), Huỳnh Phan Thiên T, giới tính nam, sinh ngày 05/5/2007. Khi ly hôn bà đồng ý giao cháu T cho ông C nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Về quan hệ hôn nhân: áp dụng các Điều 14, 15, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận ông Huỳnh Công C và bà Phan Thị T là vợ chồng. Về con chung: Áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung cho ông C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của ông C. Về phần tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu xem xét. Án phí: Buộc ông C chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử ghi nhận tất cả ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn.

Trong vụ án này bị đơn bà Phan Thị T đang cư trú tại Khu phố B, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn ông Huỳnh Công C, bị đơn bà Phan Thị T đều có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung: Ông Huỳnh Công C và bà Phan Thị T chung sống với nhau từ năm 1994, nhưng không đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về thủ tục ly hôn, khoản 2 quy định “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*”. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên bố không công nhận ông Huỳnh Công C và bà Phan Thị T là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Huỳnh Thị N, giới tính nữ, sinh ngày 06/02/1995 (đã trưởng thành), Huỳnh Thị Yên L, giới tính nữ, sinh ngày 26/8/2000 (đã trưởng thành), Huỳnh Phan Thiên T, giới tính nam, sinh ngày 05/5/2007, khi ly hôn ông C yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành, bà T cũng thống nhất giao cháu T cho ông C nuôi dưỡng. Xét thấy nguyện vọng của cháu T là được sống cùng cha là ông C. Áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nghị cần cháu Huỳnh Phan Thiên T cho ông Huỳnh Công C nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến ông C không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Ông C khởi kiện nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Huỳnh Công C và bà Phan Thị T là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Phan Thiên T, giới tính nam, sinh ngày 05/5/2007 cho ông Huỳnh Công C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến ông C không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Ông C cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Ông Huỳnh Công C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà ông C đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí số 0000735 ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, nay ông C không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS Tp. H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giang Phước Thành